

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 240/2022/HS-ST

Ngày: 28 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 250/2022/TLST - HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần A, sinh ngày 10/10/2004; tại huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1983; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần A: Ông Nguyễn V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B cử (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1946; nơi cư trú: Tổ 11, khu phố 7, phường B, thành phố Q, tỉnh B (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị G(chết):

1. Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1946; nơi cư trú: Tổ 11, khu phố 7, phường B, thành phố Q, tỉnh B (có mặt).

2. Anh Nguyễn H, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Tổ 11, khu phố 7, phường B, thành phố Q, tỉnh B.

3. Anh Nguyễn Q, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Tổ 11, khu phố 7, phường B, thành phố Q, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn H và anh Nguyễn Q: Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1946; nơi cư trú: Tổ 11, khu phố 7, phường B, thành phố Q, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần V, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

2. Ông Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Phan T, sinh năm: 2000, nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/5/2022, Trần A; không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô 77L1-839.57 chở Phan T lưu thông trên đường Quốc lộ 1A theo hướng từ ngã ba Hàm Dầu thuộc phường D, thành phố Q về xã P, huyện T, tỉnh B. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi A điều khiển xe mô tô đi đến đoạn ngã ba đường Quốc Lộ 1A - Hùng Vương thuộc phường D, thành phố Q là nơi giao nhau nhưng A không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn. Đồng thời, lúc này A vừa điều khiển xe mô tô vừa quay mặt ra sau để nói chuyện T mà không chú ý quan sát phía trước. Đến khi A phát hiện ra mô tô biển số 77FA-1855 do ông Nguyễn Đ điều khiển chở sau vợ là bà Nguyễn Thị G đang di chuyển chậm từ đường H vào nơi giao nhau để sang bên kia đường và đã di chuyển đến gần dải phân cách giữa đường Quốc lộ 1A. Lúc này, khoảng cách giữa hai xe quá gần nên A không kịp xử lý đã để phần trước xe mô tô do mình điều khiển tông vào phần giữa thân bên trái xe mô tô biển số 77FA-1855 gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả, bà Nguyễn Thị G chết tại chỗ; ông Nguyễn Đ bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B.

Ngày 23/6/2022, Trung tâm pháp y tỉnh B có văn bản số 176, kết luận nguyên nhân bà Nguyễn Thị G chết là do sốc đa chấn thương.

Hiện trường vụ tai nạn giao thông được mô tả trong biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông.

Về phần dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Trần Văn A và gia đình bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho gia đình bị hại Nguyễn Thị G. Đại diện gia đình bị hại đã có đơn xin bãi nại cho A.

Bản Cáo trạng số: 178/CT - VKSQN ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố bị cáo Trần Văn A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn A khai nhận có hành vi vi phạm về tham gia giao thông đường bộ như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận.

Bị hại và là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị G chết không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B đề nghị: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ ” và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Người bào chữa của bị cáo thống nhất tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chế định xử phạt người dưới 18 tuổi phạm tội như Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm b,s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị hại và là người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đây là bài học cho bị cáo, bị cáo cần rút kinh nghiệm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo cơ hội sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 11 giờ 40 ngày 12/5/2022, đoạn ngã ba đường Quốc lộ 1A – Hùng Vương thuộc phường D, thành phố Q, Trần A (không có giấy phép lái xe theo quy định) đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 77L1-839.57 tham gia giao thông không chú ý quan sát, không tuân thủ quy định về tốc độ khi điều khiển xe mô tô lưu thông qua nơi đường bộ giao nhau nên để xe mô tô do mình điều khiển tông vào phần giữa thân xe mô tô biển số 77FA-1855 do ông Nguyễn Đ điều khiển chở sau vợ là bà Nguyễn Thị G gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả, bà Nguyễn Thị G chết, ông Nguyễn Đ bị thương.

Hành vi trên của Trần A đã vi phạm khoản 9, 23 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ làm chết 01 người, bị thương 01 người. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, tính mạng và sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B truy tố bị cáo Trần A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Bị cáo khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, tính đến nay bị cáo đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Nên cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự năm 2015. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Bị cáo A có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự năm 2015, một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo **Trần A** phạm tội ở lứa tuổi từ 16 đến dưới 18 nên được áp dụng chế định xử phạt người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định tại Điều 91; Điều 101 Bộ Luật hình sự, xử bị cáo với mức án có lý, có tình vừa bảo đảm nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Đ và là người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị G (chết) không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo A phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù và người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Các đề nghị khác của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q là phù hợp và người bào chữa cho bị cáo đề nghị là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần A** phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trần A 24** (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Đ và là người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị G (chết) không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo **Trần A** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: **Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. Q;
- CQ CSĐT CA Tp. Q;
- Cơ quan THAHS CA Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương